TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/DS-ST
Ngày: 27/3/2025
Vv: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Lệ Thu;

2. Ông Nguyễn Đình Rành.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh:* Bà Võ Thị Ngọc Châu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/3/2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 844/2024/DSST ngày 26/11/2024 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST – DS ngày ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2025/QĐHPT-DS ngày 05 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N; Địa chỉ trụ sở chính: số B C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Huỳnh Nhật M sinh năm 2001; địa chỉ: Lầu F, Số D L, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số 998/2024/UQ-AMC ngày 05/11/2024) (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quý Đ sinh năm 1991; địa chỉ: Căn hộ S Chung cư A H, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; Các bản tự khai; Biên bản không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Ngày 06/10/2022, Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N và ông Nguyễn Quý Đ đã ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ số 0446/2022/905-CV (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng

thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N – các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng tín dụng), cụ thể:

Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N đã phát hành cho ông Nguyễn Quý Đ sản phẩm thẻ MC EMV Standard Credit Main Card với số tài khoản 790513947710001.

+ Số tài khoản: 790513947710001;

+ Số thẻ: 3565199900974339;

+ Sản phẩm thẻ: J;

+ Ngày phát hành: 19/10/2022;

+ Ngày kích hoạt: 25/10/2022;

+ Lãi suất trong hạn: 30%/năm;

+ Lãi suất quá hạn: 45%/năm.

Từ thời điểm mở sử dụng thẻ đến ngày 27/03/2025, ông Nguyễn Quý Đ thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 301.708.415 đồng và ông Nguyễn Quý Đ thực hiện các giao dịch thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N với tổng số tiền là 37.194.262 đồng. Tại thời điểm 14/12/2022 đến ngày 14/12/2023, ông Nguyễn Quý Đ thanh toán không đủ số tiền nên phát sinh lãi trong hạn 30%/năm và phí chậm thanh toán.

Ngày 14/01/2024, ông Nguyễn Quý Đ không thanh toán nên bắt đầu tính chuyển nợ quá hạn chịu lãi suất 45%/năm.

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông Nguyễn Quý Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông Nguyễn Quý Đ trả nợ, nhưng ông Nguyễn Quý Đ vẫn không thực hiện. Lần cuối cùng ông Nguyễn Quý Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là ngày 14/08/2023 với số tiền là 9.882.754 đồng.

Do ông Nguyễn Quý Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 12 của Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N), sau khi khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn từ ngày 14/01/2024 (Điều 10 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N).

Tổng số tiền ông Nguyễn Quý Đ còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N tạm tính đến ngày 27/03/2025 là: nợ gốc: 294.377.469 đồng; nợ lãi: 235.032.568 đồng; Tổng cộng: 529.410.037 đồng.

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, kế hoạch trả nợ với Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N của ông Nguyễn Quý Đ đã vi phạm các điều khoản cam kết trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N.

Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết các yêu cầu đối với người bị kiện như sau:

1. T buộc ông Nguyễn Quý Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực các khoản sau: Số tiền tạm tính đến ngày 27/03/2025 là: nợ gốc: 294.377.469 đồng; nợ lãi: 235.032.568 đồng; Tổng cộng: 529.410.037 đồng.

Trong thời gian chưa thanh toán đầy đủ nghĩa vụ, ông Nguyễn Quý Đ vẫn phải chịu lãi suất quá hạn, lãi phạt theo quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

2. Khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Quý Đ vẫn chưa thanh toán đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký, thì Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý theo đúng quy định trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cũng như quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Quý Đ vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Toà án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định pháp nhưng bị đơn không đến, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 86 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Quý Đ mặc dù đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng năm 2015.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Quý Đ phải trả số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ số 0446/2022/905-CV ngày 06/10/2022, thì đây là tranh chấp về "Hợp đồng tín dụng".

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 01/10/2020 thể hiện ông Nguyễn Quý Đ tại thời điểm ký kết hợp đồng với nguyên đơn có địa chỉ tại Căn hộ S Chung cư A H, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Kết quả xác minh của Công an phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh: Công dân ông Nguyễn Quý Đ không có hộ khẩu thường trú, tạm trú và không có thực tế cư trú nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về hình thức

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông Nguyễn Quý Đ các văn bản tố tụng của Tòa án tuy nhiên bị đơn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N đối với bị đơn ông Nguyễn Quý Đ:

Xét, Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ số 0446/2022/905-CV ngày 06/10/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N đã chấp thuận Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N đã phát hành cho ông Nguyễn Quý Đ sản phẩm thẻ MC EMV Standard Credit Main Card với số tài khoản 790513947710001; Số thẻ: 3565199900974339; Sản phẩm thẻ: J; Ngày phát hành: 19/10/2022; Ngày kích hoạt: 25/10/2022; Lãi suất trong hạn: 30%/năm; Lãi suất quá hạn: 45%/năm.

Từ thời điểm mở sử dụng thẻ đến ngày 27/03/2025, ông Nguyễn Quý Đ thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 301.708.415 đồng và ông Nguyễn Quý Đ thực hiện các giao dịch thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N với tổng số tiền là 37.194.262 đồng. Theo Khoản 5 Điều 9 bảng điều khoản và điều kiện sử

dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N thứ tự ưu tiên thanh toán dư nợ: "Đối với tài khoản quản lý thẻ trong hạn, thứ tự ưu tiên thanh toán từng mục nêu trên sẽ được xét độc lập từng kỳ thông báo giao dịch (ưu tiên trừ các khoản phí đến lãi rồi đến gốc)". Sau khi ông Nguyễn Quý Đ thực hiện các giao dịch thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N thì sẽ ưu tiên thanh toán các mục nêu và số tiền gốc hiện tại còn lại là 294.377.469 đồng. Tại thời điểm 14/12/2022 đến ngày 14/12/2023, ông Nguyễn Quý Đ thanh toán không đủ số tiền nên phát sinh lãi trong hạn 30%/năm và phí chậm thanh toán.

Căn cứ Bảng sao kê tóm tắt thẻ tín dụng của ông Nguyễn Quý Đ, tính đến ngày 27/03/2025 ông Nguyễn Quý Đ còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N tổng cộng số tiền là: 529.410.037 đồng. Trong đó, nợ gốc: 294.377.469 đồng; nợ lãi: 235.032.568 đồng.

Xét, theo quy định của pháp luật: Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng quy định: "Trong trường hợp khách hàng không trả nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng".

Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự 2015 về nghĩa vụ trả tiền và Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn".

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*

Xét, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Nguyễn Quý Đ. Tuy nhiên ông Nguyễn Quý Đ không đến tòa trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho tòa nên căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn ông Nguyễn Quý Đ đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N buộc bị đơn ông Nguyễn Quý Đ phải thanh toán tổng cộng số tiền tính đến ngày 27/03/2025 là: 529.410.037 đồng. Trong đó, nợ gốc: 294.377.469 đồng; nợ lãi: 235.032.568 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về thời hạn trả nợ:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Quý Đ phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét, bị đơn ông Nguyễn Quý Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về tiền lãi sau ngày xét xử sơ thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Quý Đ phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ số 0446/2022/905-CV ngày 06/10/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N cho đến khi thi hành án xong.

Căn cứ Điều 5 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N quy định: "Trường hợp chủ thẻ không có dư nợ đầu kỳ thì lãi đối với dư nợ cuối kỳ (không bao gồm lãi) được tính từ ngày thông báo đến ngày chủ thẻ thanh toán. Trường hợp chủ thẻ có dư nợ đầu kỳ thì lãi đối với các giao dịch phát sinh trong kỳ thông báo giao dịch được tính từ ngày thực hiện giao dịch đến ngày chủ thẻ thanh toán"

Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4.] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 280, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 91, khoản 2 Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Xử:

[1] Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N, bị đơn ông Nguyễn Quý Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N.

Buộc ông Nguyễn Quý Đ phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N số tiền tổng cộng tính đến ngày 27/03/2025 là: 529.410.037 đồng. Trong đó, nợ gốc: 294.377.469 đồng; nợ lãi: 235.032.568 đồng.

Trả ngay 01 lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Kể từ ngày 28/03/2025, bị đơn ông Nguyễn Quý Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ số 0446/2022/905-CV ngày 06/10/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ số 0446/2022/905-CV ngày 06/10/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Quý Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 25.176.401 đồng.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N là 11.493.398 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0036827 ngày 26/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N và bị đơn ông Nguyễn Quý Đ được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKS ND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Tk. Thúy).

TAND QUẬN 7
2NQ270325.TL.QDBA
837

Trần Thị Xuân Duyên